

Bản án số: **233/2022 /HC-PT**

Ngày: 20-9-2022

*V/v “Khiếu kiện QĐ về xử phạt
vi phạm hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Tấn Trường**.

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tiến** và ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Viết Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 132/2022/TLPT-HC ngày 07 tháng 7 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”; do bản án hành chính sơ thẩm số 30/2022/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2219/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Công M, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Ngô Văn T - Phó Chủ tịch. vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Tất Đ - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E, tỉnh Đắk Lắk. vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Hoàng Văn L trình bày:

Năm 2001, gia đình ông L có khai phá 01 thửa đất chữ L với diện tích khoảng 3,5 ha tại thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (hiện thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Quá trình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai và không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Thửa đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Trần Trung D và một phần thửa đất ông Hoàng Văn T; Tây giáp đường; Nam giáp đất ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn T1; Bắc giáp suối.

Năm 2011, ông Hoàng Văn T có nhận sang nhượng một thửa đất rẫy của người khác giáp phần đuôi chữ L đất rẫy nhà ông L. Thời điểm này lối đi vào đất rẫy ông T nhận chuyển nhượng nằm về hướng Nam (giáp đất ông T). Tuy nhiên, đến khoảng cuối năm 2012 khi con đường này bị ngăn lại vì khu dân cư được xây dựng nên để đi vào rẫy nhà mình trong nhiều năm gia đình ông T đã đi nhờ trên đất của gia đình ông L, theo lối vào lán trại do gia đình ông L tự mở để phục vụ sản xuất từ phía đường chính (phía tây) đi vào, sau đó ông T đi qua vườn điều gia đình ông L để vào rẫy.

Đến cuối năm 2018, ông T có ý định mở lối đi giáp đất của gia đình ông L từ đường chính (phía tây) vào rẫy của mình. Để mở lối đi này buộc phải đi qua thửa đất của ông T1, ông T và phần đất đuôi chữ L của gia đình ông L. Vì vậy, ông T đã mua của gia đình ông T1 3m chiều rộng và 80m chiều dài, đồng thời qua đất nhà ông T cũng với 3m chiều rộng và 80m chiều dài (việc giữa hai gia đình ông T, ông T có chuyển nhượng đất để làm lối đi hay có thỏa thuận khác thì ông L không biết). Tuy nhiên, do việc thiếu thiện chí của ông T nên gia đình ông L chưa muốn bán phần đất để ông T mở lối đi. Do đó, ông T chưa thể mở lối đi vào rẫy nhà mình được.

Lợi dụng thời gian ông L đang phải chấp hành án tù (từ ngày 01/9/2018 đến ngày 18/01/2020), ông T tự ý mở đường qua đất rẫy nhà ông L để đi xuống rẫy của mình mà không được sự đồng ý của gia đình ông L. Khi ông L trở về có liên hệ, trao đổi với ông T về vấn đề này nhưng ông T không chịu khắc phục mà vẫn đi trên phần đất của gia đình ông L nên ông L phải rào đất lại, dẫn đến xảy ra mâu thuẫn giữa các bên. Vì vậy, ông T gửi đơn đến UBND xã C để yêu cầu giải quyết. Tại buổi làm việc ngày 11/6/2020, ông T cũng thừa nhận đã đề nghị mua 3m đất của gia đình ông L để mở lối đi nhưng gia đình ông L không bán. Do ông L vẫn không đồng ý bán đất cho ông T nên vụ việc không thể giải quyết được.

Vào các ngày 05/11/2020 và ngày 19/11/2020 Ủy ban nhân dân xã C liên tiếp lập các biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông L về hành vi vi phạm hành chính là làm hàng rào gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác. Đến ngày 26/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E đã ban hành Quyết định số 3962/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L vì đã thực hiện hành vi làm hàng rào gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác và xử phạt ông L 7.000.000 đồng, buộc ông L phải khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Nhận thấy phần đất ông T tự ý mở lối đi thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông L khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 2001 cho đến nay, được những người sử dụng đất liền kề và trưởng thôn làm chứng, xác nhận và ngay cả ông T cũng thừa nhận... Mặt khác, lối đi ông T là tự phát và đi trên đất của gia đình ông L. UBND xã C lập các Biên bản vi phạm hành chính và Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cản trở việc sử dụng đất của người khác (ông T) là chưa đúng quy định của pháp luật, không thấu tình đạt lý, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông L. Vì vậy, ông L khởi kiện đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 3962/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND huyện E ngày 26/11/2020.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E là ông Ngô Văn Thắng trình bày:

Về nguồn gốc đất sử dụng đất của hai hộ gia đình:

Đối với ông Hoàng Văn L: Theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 28/4/2021 của UBND xã C thì lô đất rẫy liền kề đường mòn của gia đình ông L do ông L tự khai phá lấn chiếm đất thuộc quản lý của UBND xã từ năm 2001, mục đích sản xuất nông nghiệp và sử dụng từ đó cho đến nay, có diện tích 36.529,5m² (không tính phần đường mòn ông L đã rào) thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 11.

Đối với ông Hoàng Văn T: Nguồn gốc đất do ông L khai phá từ năm 2001, đến năm 2008 ông L chuyển nhượng cho ông Lương Ngọc C, năm 2011 ông C chuyển nhượng lại cho ông T, ông T sử dụng vào mục đích nông nghiệp, từ trước khi chuyển nhượng cho đến nay các bên vẫn đi lại con đường mòn này. Diện tích đất là 11.136,3m² (không tính phần đường mòn ông L đã rào) thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 11.

Căn cứ hồ sơ vi phạm hành chính do UBND xã C chuyển đến gồm: Biên bản vi phạm hành chính số: 01/BB-VPHC do UBND xã C lập hồi 09 giờ 30 phút ngày 19/11/2020 đối với ông Hoàng Văn L và Công văn số 441/UBND-ĐC ngày 20/11/2020 của UBND xã C về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số 3962/QĐ-XPVPHC ngày 26/11/2020 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L.

Nhận thấy việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên là

đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định. Mặt khác qua kiểm tra hồ sơ thì tại thời điểm đo đạc bản đồ địa chính năm 2014, vị trí đất ông Hoàng Văn L tự ý rào đường và bị xử phạt vi phạm hành chính đã thể hiện là đường đi. Do đó đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T trình bày:

Ngày 18/12/2011, ông T nhận chuyển nhượng một lô đất rẫy của ông Lương Ngọc C có diện tích khoảng 10.009m² tại thôn 3, xã C, huyện E. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông T2 (nay là đất ông Hoàng Văn L1); Tây giáp đất ông T và đường dân sinh; Nam giáp đất ông T2 (nay là đất ông L1); Bắc giáp đất ông D (nay ông T đã mua lại).

Số tiền chuyển nhượng là 50.000.000 đồng. Các bên lập giấy viết tay và ký xác nhận. Nguồn gốc thửa đất này là của ông Hoàng Văn L khai hoang và chuyển nhượng cho ông Lương Ngọc C, sau đó ông C mới chuyển nhượng lại cho ông T. Tại khu vực đất rẫy này chưa ai được cấp GCNQSD đất. Ông T sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.

Đề đi vào rẫy của mình, từ năm 2011 ông T đi qua con đường dân sinh rộng khoảng 03 mét nối với đường liên thôn. Các hộ khác làm rẫy gần ông T cũng đi con đường này, tuy nhiên về sau các hộ dân hai bên đường lần ra nên không còn đường đi nữa. Do vậy, ông T đã mở đường đi mới ở phía tây bằng cách thỏa thuận mua của ông Hoàng Văn T1 diện tích đất có chiều rộng khoảng 03 mét, chiều dài khoảng 70 mét với giá 21.000.000 đồng, đoạn còn lại thì ông T thỏa thuận với ông T Tuyên (không rõ họ tên, chỉ biết ở thôn 4, xã C, trước đây là đất ông T) cắt đất của ông này làm đường đi chung cho hai gia đình, đoạn cuối giáp với đường dân sinh nên ông không thỏa thuận với ai nữa. Trước đó, ông T cũng có trao đổi mua của ông L 03 mét đất nối với phần đất mua của ông T1 để làm đường đi thẳng vào rẫy, nhưng ông L không đồng ý nên ông T mới thỏa thuận đi chung với ông T Tuyên mặc dù đường đi này không thẳng. Việc ông T mua đất mở đường mới để vào rẫy thì ông L đều biết nhưng không có ý kiến gì. Sau đó ông L đi chấp hành án, khi trở về một thời gian thì từ tháng 4/2020 ông L bắt đầu chôn cột gỗ và kéo thép gai rào đường không cho ông T đi vào rẫy. Vị trí ông L rào ngay tại đường dân sinh, điểm cuối của con đường mới do ông T mở. Vào các ngày 05/11/2021 và 19/11/2021 UBND xã C tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông L về hành vi cản trở việc sử dụng đất của người khác (cụ thể là ông Hoàng Văn T). Sau đó UBND huyện E đã xử phạt hành chính đối với ông L.

Về yêu cầu khởi kiện của ông L thì ông T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông T không có yêu cầu gì. Hiện nay ông L vẫn đang rào đường đi nên ông T không có lối đi vào rẫy. Ông T là hộ duy nhất bị ảnh hưởng bởi hành vi cản trở của ông L.

Người làm chứng ông Trần Trung D trình bày:

Khoảng năm 1999, ông D khai hoang một miếng đất rẫy có diện tích 01ha tại khu vực suối Cẩm thuộc thôn 3, xã C, huyện E. Cùng với ông D còn có ông

Hoàng Văn L, Hoàng Văn T1 cũng khai hoang các miếng đất bên cạnh. Để đi được vào đất rẫy của mình thì ông L, ông D sử dụng con đường dân sinh từ ngoài thôn đi vào, khi khai hoang thì đã có con đường, không biết do ai mở, đường chỉ đi vào đến đất của ông L, ông D chứ không có ai đi nữa. Năm 2011 ông L bán một phần đất giáp đường dân sinh cho ông Lương Ngọc C, đến khi ông C bán đất lại cho ông Hoàng Văn T thì ông D cũng bán phần đất rẫy trên cho ông T vào năm 2018. Sau đó chỉ còn một mình ông T sử dụng đường dân sinh để đi nên các hộ xung quanh lấn ra, ông T không còn đường đi nữa. Sau này ông D mới biết việc ông T mua đất của ông T1 và mở đường mới thì ông có đến xem và thấy đường mới mà ông T mở đi qua đất của ông T1, bà T Lan (hiện nay người khác sử dụng) và phần đầu mảnh đất của ông L nên ông L rào lại không cho ông T đi. Ông D khẳng định con đường hiện tại ông T sử dụng có một phần diện tích đất của ông L khai hoang chứ không phải nằm trong đường dân sinh.

Người làm chứng ông Hoàng Văn T1 trình bày:

Khoảng năm 1999, ông T1 khai hoang một lô đất rẫy có diện tích 2,7ha tại khu vực suối Cẩm thuộc thôn 3, xã C, huyện E. Về nguồn gốc đường dân sinh ông thống nhất như ông D đã trình bày. Sau khi ông L bán một phần đất giáp đường dân sinh cho ông Lương Ngọc C, ông C cũng sử dụng đường dân sinh để đi. Đến khi ông C bán đất lại cho ông Hoàng Văn T thì con đường dân sinh không còn nữa do các hộ xung quanh lấn ra. Do đó, năm 2019 ông T đã thỏa thuận mua của ông T1 diện tích đất có chiều rộng 3m, dài 70m để mở đường mới, phần đất có tứ cận: Đông giáp đất Hoàng Văn L; Tây giáp mặt đường lớn; Nam giáp đất Hoàng Văn T1; Bắc giáp đất Đàm Văn Q.

Con đường mới tiếp giáp với đường lớn, không liên quan gì với đường dân sinh trên. Để mở đường này, ông T phải đi qua đất của ông T1, đất của ông T Tuyên (trước đây là bà T Lan) nhưng không rõ giữa hai người trao đổi, mua bán như thế nào, phần còn lại của con đường mới phải đi qua đất của ông L mới đến đất ông T nhưng thời điểm này ông L đang đi chấp hành án nên ông T tự ý đi qua mà không có sự cho phép của gia đình ông L. Sau này khi ông L về thì các bên xảy ra tranh chấp. Ông T1 khẳng định, hiện tại ông T mở đường đi có một phần đất là của ông L nên ông L mới rào lại không cho ông T đi qua. Phần diện tích đất được ông L rào lại từ trước đến nay ông L vẫn sử dụng, khi ông L vắng mặt thì ông T mới sử dụng để làm đường đi.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông Phạm Công Minh tranh luận:

Về thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính: Vào các ngày 05/11/2020 và 19/11/2020, UBND xã C tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Hoàng Văn L về hành vi làm hàng rào gây cản trở việc sử dụng đất của người khác là vi phạm khoản 3 Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ, vì một hành vi vi phạm chỉ bị lập biên bản một lần. Ngoài ra, biên bản vi phạm hành chính ngày 19/11/2020 do công chức tư pháp lập là trái quy

định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019, tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện cũng xác định công chức tư pháp không được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra quản lý đất đai.

Về nội dung: Vị trí đất ông L rào là do ông L khai hoang từ năm 2001, sau đó ông L bán một phần diện tích cho ông C, ông T. Năm 2011, ông C bán cho ông T. Năm 2019 do ông T mở đường đi mới đi qua phần đất của ông L nên các bên xảy ra tranh chấp. Về nguồn gốc đất đã được ông D, ông T1 xác nhận, phù hợp với lời khai của ông L và bản thân ông T cũng đã thừa nhận tại biên bản hòa giải của UBND xã là có thỏa thuận mua 3m đất của ông L nhưng không được ông L đồng ý. Hơn nữa, phần diện tích đất này không có quyết định thu hồi đất nên không thể căn cứ vào bản đồ địa chính năm 2014 để xác định đây là đường đi. Việc ông L rào đường chỉ ảnh hưởng đến việc ông T tự ý mở đường, mà đường đi này chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Tất Đắc trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của người bị kiện, không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2022/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 10 Điều 12 Luật đất đai năm 2013; điểm b, đ khoản 2 Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 66; Điều 67, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 16, điểm b, đ khoản 2 Điều 38, Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 1 Điều 32; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hoàng Văn L về việc hủy Quyết định số 3962/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND huyện E ngày 26/11/2020 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hoàng Văn L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/6/2022, ông Hoàng Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông

Hoàng Văn L. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Án sơ thẩm đã giải quyết đúng theo các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn L, giữ nguyên án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của ông L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3962/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND huyện E ngày 26/11/2020 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hoàng Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng người bị kiện vắng mặt. Theo đề nghị của các đương sự có mặt và của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Xét nguồn gốc đất các bên đang sử dụng và tranh chấp tại thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Năm 2001, ông Hoàng Văn L có khai phá 01 thửa đất chữ L với diện tích 36529,5m² có số thửa 07, tờ bản đồ số 11, từ đó đến nay ông sử dụng ổn định với mục đích làm nông nghiệp, không có tranh chấp với ai và không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Thửa đất có tứ cận: Đông giáp đất ông Trần Trung D và ông Hoàng Văn T; Tây giáp đường liên huyện L và đất ông Quan Văn Đ, đất ông Đàm Q, đất ông Hoàng Văn T1; Nam giáp đường dân sinh và đất ông Hoàng Văn T; Bắc giáp suối Ea Knhót;

[2.2] Năm 2011 ông Hoàng Văn T có nhận chuyển nhượng một lô đất rẫy của ông Lương Ngọc C với diện tích 11.138,3m², có số thửa 16, tờ bản đồ số 11, thửa đất này có nguồn gốc là của ông Hoàng Văn L khai hoang và chuyển nhượng cho ông Lương Ngọc C. Ông T sử dụng ổn định với mục đích làm nông nghiệp, không có tranh chấp với ai và không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Thửa đất có tứ cận: Đông giáp đất ông T2, nay là ông Hoàng Văn L1 bà Nguyễn Thị H; Tây giáp đất ông Hoàng Văn L, đất ông Hoàng Văn L1 bà Nguyễn Thị H và đường dân sinh; Nam giáp đất ông T2, nay là ông Hoàng Văn L1 bà Nguyễn Thị H; Bắc giáp đất ông Trần Trung D (nay ông T đã mua);

[2.3] Từ năm 2011 ông T đi vào rẫy của mình phải đi qua con đường dân sinh từ hướng nam vào giáp phía tây đất ông rộng khoảng 03m² nối với đường liên thôn, các hộ khác làm rẫy gần ông T đều đi trên con đường này. Tuy nhiên về sau, các hộ dân hai bên đường dân sinh lần ra trồng cây nông nghiệp, trong khi hàng ngày ông T dẫn trâu bò đi qua nên sợ sẽ làm ảnh hưởng đến cây trồng của người khác. Do vậy mà ông T có ý định tạo lối đi riêng cho mình từ hướng tây liên thông với đường liên huyện L. Tuy nhiên muốn con đường đi hướng này là một đường thẳng thì phải mở ngang qua hết đất của ông Hoàng Văn T1 dài 70m, rồi đến hết đất của ông Hoàng Văn L cũng dài 70m, nên ông T đã thỏa

thuận với ông T1 nhượng lại cho ông chiều ngang 3m và chiều dài 70m là 21.000.000đ, riêng ông L thì không thỏa thuận được. Do vậy con đường vừa hết đất ông T1 thì phải cua qua bên phải vào đất ông Hoàng Văn T, nên ông T thỏa thuận với ông T mở lối đi rộng 3,4m vào đất ông T dài 70m song song với ranh giới giữa đất ông T và đất ông L. Lối đi qua đất ông T ông T không mất tiền vì ngược lại ông T cũng có lợi là đi ra đường liên huyện E- Ea Hleo bằng lối đi mà ông T mua của ông T1. Như vậy lối đi này không qua đất của ông L mà qua đoạn đường dân sinh cũ sát với đất ông L, nhưng ông L rào đoạn đường dân sinh này lại. Qua xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 15/3/2022 của tòa án cấp sơ thẩm, thể hiện: ông L rào khoảng 45m² đường dân sinh cũ có 4 cạnh: Đông giáp đất ông T 23,20m; Tây giáp đất ông T (T Tuyên) 22,20m và giáp đường đi của ông T và ông T ra đường liên huyện 3,4m; Nam giáp đường đi dân sinh 2,3m; Bắc giáp đất ông L 3,6m (không rào); diện tích này án ngữ phía tây đất ông T không cho ông T vào đất của ông để sản xuất, nên ông T gửi đơn đến UBND xã C đề yêu cầu giải quyết.

[3] Tại biên bản giải quyết của UBND xã C vào ngày 11/6/2020 có đoạn ghi “*ông T thừa nhận có đề nghị mua 3m đất của ông L để mở lối đi, nhưng ông L không bán*”. Phía người khởi kiện dựa vào ý này trong biên bản để cho rằng đất của ông L nên ông T mới đề nghị mua; đây là sự ngộ nhận, vì như đã phân tích đánh giá chứng cứ ở mục [2.3], ông T đề nghị mua đất của ông L để nối với đường đi thẳng đã mua đất của ông T1 ra đường liên huyện, chứ không đề nghị mua đường dân sinh cũ. Tại buổi làm việc này UBND xã C cũng tiếp tục đề nghị các bên hòa giải thương lượng với nhau và giao cho Ban tự quản vận động các gia đình sớm giải quyết sự việc. Trong quá trình các cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện cho các bên thương lượng hòa giải, thì ông T và ông L vẫn tiếp tục mâu thuẫn do việc ông L rào đường vào các ngày 02/7/2020, 13/7/2020, 24/7/2020, 31/7/2020. Do đó UBND xã lập các thủ tục đề nghị UBND huyện xử lý hành chính ông L về hành vi lấn chiếm đường đi và cản trở quyền sử dụng đất của người khác.

[4] Xét đơn kiện của ông L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3962/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND huyện E ngày 26/11/2020 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hoàng Văn L, cụ thể: Vào các ngày 05/11/2020 và ngày 19/11/2020 Ủy ban nhân dân xã C lập các biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông L về hành vi vi phạm hành chính là làm hàng rào gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác. Đến ngày 26/11/2020, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 3962/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính làm hàng rào gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác và xử phạt ông L 7.000.000 đồng, buộc ông L phải khôi phục lại tình trạng ban đầu. HĐXX thấy rằng: Tại biên bản kiểm tra xác minh ngày 10/6/2020 của UBND xã C xác định: “*Tại vị trí ông L rào thép gai, chôn cọc rào gỗ có diện tích hình chữ nhật khoảng 45 m². Qua đối chiếu hồ sơ địa chính lưu tại xã có thể hiện đường trên bản đồ địa chính đo đạc năm 2014 (tờ bản đồ số 11)*”. Ngày 12/02/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành

Công Văn số 144/TA (BL88-89) yêu cầu UBND xã cung cấp tài liệu trên. Tại báo cáo số 53/BC-UBND ngày 23/02/2022 (BL93) UBND xã C cung cấp sơ đồ thửa đất của các bên có thể hiện đường đi dân sinh hình thành từ năm 2001-2003 từ đường liên thôn vào đất ông T và ông L ngang qua đất ông T và ông L1 bà H; diện tích đường đi này không nằm trong thửa đất của ai mà do UBND xã C quản lý. Ngày 13/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Công Văn số 374/TA-HC (BL119) yêu cầu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cung cấp tài liệu thể hiện con đường trên có được quy hoạch không thuộc bản đồ nào, có được cấp thẩm quyền phê duyệt không. Tại Công văn số 1085/STNMT-ĐKTKĐĐBD ngày 22/4/2022 (BL126) Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cung cấp: *thửa số 07, tờ bản đồ số 11, diện tích 36529,5m² và thửa số 16, tờ bản đồ số 11, có số diện tích 11.138,3m² do Công ty TNHH D.C đo đạc vào năm 2014 được Sở TN&MT tỉnh Đắk Lắk phê duyệt năm 1917 (ký duyệt nghiệm thu trực tiếp trên bản đồ địa chính); trong đó thửa số 7 tiếp giáp đường giao thông (thửa đất ông L giáp với đường liên huyện L) và một phần thửa số 16 tiếp giáp với đường giao thông đường cụt (thửa đất ông T giáp với đường dân sinh).*

[5] Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập; HĐXX thấy rằng: trước đây có hình thành một con đường dân sinh từ đường liên thôn vào đến đất ông Hoàng Văn L (đường cụt), đường này đi ngang qua đất của các ông Hoàng Văn L1 bà Nguyễn Thị H; ông Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn L. Ông T muốn vào đất mình phải đi theo con đường này từ hướng nam, nhưng do các hộ hai bên trồng cây nông nghiệp lấn sát, ông T dắt bò đi không tiện nên mới thỏa thuận mua của ông Hoàng Văn T1 là người có đất giáp với đường liên huyện L từ đường này vào hết đất ông T1 là 70m, chiều ngang 3m với số tiền 21.000.000đ, do thương lượng với ông L mua 3m chiều ngang và dài 70m để đi thẳng vào đất ông T, nhưng không thỏa thuận được nên ông T thỏa thuận đi chung với ông T (T Tuyên) vào đất của ông, mặc dù cách này thì đường không thẳng, nhưng đi qua con đường dân sinh cũ không ảnh hưởng gì đến đất của ông L. Tuy nhiên ông L rào một diện tích 45m² trên con đường dân sinh cũ không cho ông T vào là hành vi cản trở việc sử dụng đất của ông T. Do vậy Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số 3962/QĐ-XPVPHC ngày 26/11/2020 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hoàng Văn L là đúng với quy định pháp luật.

[6] Từ nhận định trên đây, xét thấy án sơ thẩm xét xử bác đơn kiện của ông Hoàng Văn L là đúng pháp luật, ông Hoàng Văn L kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án. Do vậy HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không chấp đơn khởi kiện và kháng cáo của Ông Hoàng Văn L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3962/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND huyện E ngày 26/11/2020 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hoàng Văn L; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Người kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; tuy nhiên ông L là dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2022/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 10 Điều 12 Luật đất đai năm 2013; điểm b, đ khoản 2 Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 66; Điều 67, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 16, điểm b, đ khoản 2 Điều 38, Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 1 Điều 32; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Hoàng Văn L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3962/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND huyện E ngày 26/11/2020 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hoàng Văn L.

(Kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 9/9/2014 do ông Hoàng Văn L ký xác nhận (BL 124) và Sơ đồ vị trí đất dựng hàng rào theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/3/2022 (BL 100) do Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk lập).

2. Án phí hành chính: ông Hoàng Văn L được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/9/2022).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường